

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
Số: 09

Doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**
Địa chỉ: Số 229, Tầng 18 và 19 phố Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
Điện thoại: 04 38513205
Fax: 04 38513207
Email: plc@petrolimex.com.vn

CÔNG BỐ:

- Tiêu chuẩn: **TCCS 09 : 2016/PLC
DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ
PLC CATER CI-4**
- Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa:
Dầu nhờn động cơ PLC CATER CI-4.

Mã số: 2710

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2016



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 09 : 2016/PLC

**DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC CATER CI-4
- YÊU CẦU KỸ THUẬT**

Hà Nội – 2016


1538
CÔNG
DẦU
LIM
CP
- T

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn Dầu nhờn động cơ **PLC CATER CI - 4** số hiệu: TCCS 09 : 2016/PLC do Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex – CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.

 <p>TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU PETROLIMEX</p>	<p>DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ</p> <p>PLC CATER CI-4</p>	<p>TCCS 09 :2016/PLC</p> <p>Lần soát xét : 01</p> <p>Ngày hiệu lực :16/12/2016</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------

**DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ PLC CATER CI-4
YÊU CẦU KỸ THUẬT**

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này áp dụng cho Dầu nhờn động cơ **PLC CATER CI-4** do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (PLC) sản xuất. Sản phẩm được Viện dầu khí Hoa Kỳ cấp chứng nhận đạt cấp chất lượng API: CI-4/SL và cấp độ nhớt SAE : 15W-40 dùng cho động cơ xăng và động cơ diesel tăng áp.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt động học
2	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt, min
3	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ chớp cháy
4	ASTM D97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
5	ASTM D95	Phương pháp thử xác định Hàm lượng nước
6	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
7	ASTM D2896	Phương pháp thử xác định TBN
8	ASTM D4951	Phương pháp thử xác định Hàm lượng kim loại
9	ASTM D874	Phương pháp thử xác định Hàm lượng tro sulphat
10	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Tiêu chuẩn này qui định các chỉ tiêu chất lượng cho Dầu nhờn động cơ **PLC CATER CI-4** có cấp chất lượng API:CI-4/SL và cấp độ nhớt SAE : 15W- 40.

3.2 Yêu cầu đối với nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Gốc dầu mỏ.
- Phụ gia: Phụ gia dùng cho dầu động cơ.

3.3 Yêu cầu đối với sản phẩm Dầu nhờn động cơ **PLC CATER CI-4**: Sản phẩm có các chỉ tiêu mức chất lượng theo quy định tại bảng dưới đây:

TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	PLC CATER CI-4; SAE : 15W - 40
1. Độ nhớt động học ở 40°C, cSt	ASTM D445	Kiểm tra
2. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	14 ÷ 16
3. Tỷ trọng tại 20 °C	ASTM D1298/D4052	Kiểm tra
4. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	145
5. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D92	220
6. Nhiệt độ đông đặc, °C , max	ASTM D97	-24
7. Hàm lượng nước, %TT, max	ASTM D95	0,05
8. Đặc tính tạo bọt, ml, max	ASTM D892	
- SEQ I:		10/0
- SEQ II:		50/0
9. TBN, mg KOH/g, min	ASTM D2896	10
10. Tổng hàm lượng kim loại Ca, Mg, Zn, % KL, min	ASTM D4951	0,07

Trên đây là các số liệu tiêu biểu thu được thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4057)

4. Thông tin bổ sung:

4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2012/PLC.

4.2. Bao gói: Dầu nhờn động cơ **PLC CATER CI-4** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Xá, Phuy 209 lít, Thùng 18 và 25 lít, Hộp 1 lít, 5 lít và 6 lít.

5. Các yêu cầu khác: Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.